

Số: 19/TB-HB

Tân Phú, ngày 10 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông,
Năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	476	167	192	117
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	433 (90.97%)	153 (91.62%)	179 (93.23%)	101 (86.32%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	36 (7.56%)	0 (0%)	10 (5.21%)	16 (13.68%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	7 (1.47%)	2 (6.67%)	3 (1.56%)	0 (0%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
II	Số học sinh chia theo học lực	476	167	192	117
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	169 (35.50%)	51 (30.54%)	60 (31.25%)	58 (49.57%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	250 (52.52%)	85 (50.9%)	108 (56.25%)	57 (48.72%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	56 (11.76%)	31 (18.56%)	23 (11.98%)	2 (1.71%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.21%)	0 (0%)	1 (0.52%)	0 (0%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	476	167	192	117
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	475 (99.79%)	167 (100%)	191 (99.48%)	117 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	169 (35.50%)	8 (4.79%)	60 (31.25%)	56 (47.86%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	166 (34.87%)	43 (25.75%)	107 (55.73%)	59 (50.43%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.32%)	0 (0%)	1 (0.32%)	0 (0%)
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	57/23 0	4/3 (0)	27/14 (0)	26/9 (0)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	43 (9.03%)	18 (3.78%)	16 (3.36%)	9 (1.89%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
1	Cấp huyện	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	117			117
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	115			115
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	87 (74,40%)			
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	221/255	76/91	91/101	59/58
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	56	22	22	12

Nơi nhận:

- Thanh tra Sở Giáo dục (để báo cáo);
- Phòng CTTT Sở Giáo dục (để báo cáo);
- Lãnh đạo trường (để theo dõi thực hiện);
- Toàn thể GV, NV (để thực hiện);
- Lưu: VT, VP./.


TRẦN QUỐC AN